

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN K
TỈNH H**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 40/2024/HS-ST
Ngày: 17/5/2024.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu H1.

Hội thẩm nhân dân: Bà Vũ Thị T và bà Lê Thị O.

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Vũ Nhật L1 – Thư ký tòa án.

Đại diện VKSND Huyện K: Ông Nguyễn Hữu Tuấn A - KSV.

Ngày 17 tháng 5 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 29/2024/TLST-HS, ngày 10/4/2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 40/2024/QĐXXST-HS ngày 03/5/2024 đối với các bị cáo:

1. Lê Văn H2, sinh ngày 02/08/1996; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; HKTT: thôn H3, xã T1, huyện K, tỉnh H; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Lê Văn V, sinh năm 1970; Con bà: Nguyễn Thị T2, sinh năm 1975; Vợ, con: Chưa có; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 anh, em; **Tiền án, tiền sự:** Không.

H2 bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an H9ện K(Có mặt tại phiên tòa).

2. Đào Văn H4, sinh ngày 09/05/1990; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; HKTT: thôn E, xã Đ, huyện K, tỉnh H; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Đào Văn T3, sinh năm 1960; Con bà: Nguyễn Thị L2, sinh năm 1964; Vợ, con: Chưa có; Bị cáo là con thứ ba trong gia đình có 03 chị, em; **Tiền sự:** Không; **Tiền án:** Ngày 31/3/2011, bị Tòa án nhân dân tối cao xử 13 năm tù giam, về tội: Giết người, chấp hành xong án tù ngày 04/12/2020. H4 bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2024 đến ngày 31/01/2024 thì được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. (Có mặt tại phiên tòa).

3. Đỗ Đức L, sinh ngày 26/12/1992; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; HKTT: thôn H5, xã T1, huyện K, tỉnh H; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Đỗ Văn H6, sinh năm 1960; Con bà: Trần Thị T4, sinh năm 1965; Vợ: Nguyễn Thị Bích Thảo sinh năm 1993; Có 03 con, lớn sinh năm 2017, nhỏ sinh năm 2019; **Tiền án, tiền sự:** Không; Bị cáo là con thứ 3 trong gia đình có 03 chị, em; L bị tạm giữ, tạm

giam từ ngày 04/01/2024. Hiện đang bị tạm giam tại Nhà tạm giữ - Công an H9ên K(Có mặt tại phiên tòa).

4. Đào Mạnh C, sinh ngày 08/10/1990; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; HKTT: thôn F, xã Đ, huyện K, tỉnh H; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Đào Minh H7 sinh năm 1963; Con bà: Nguyễn Thị H8, sinh năm 1966; Vợ: Nguyễn Thị N sinh năm 1997; Có 02 con: lớn sinh năm 2016, nhỏ sinh năm 2019; Bị cáo là con thứ hai trong gia đình có 02 chị em; **Tiền án, tiền sự:** Không. C bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2024 đến ngày 24/01/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh (Có mặt tại phiên tòa).

5. Nguyễn Văn H9 sinh ngày 27/11/1999; Tên gọi khác: Không có; Giới tính: Nam; HKTT: thôn H3, xã T1, huyện K, tỉnh H; Dân tộc: Kinh; Quốc tịch: Việt Nam; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; Con ông: Nguyễn Văn H10, sinh năm 1978; Con bà: Đỗ Thị T5 sinh năm 1979; Bị cáo là con lớn trong gia đình có 03 anh, em; **Tiền án, tiền sự:** Không; H9 bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 04/01/2024 đến ngày 24/01/2024 được áp dụng biện pháp ngăn chặn cho bảo lãnh. (Có mặt tại phiên tòa).

Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Anh Vũ Thanh S, sinh năm 1992; Trú tại: thôn Q, xã T1, huyện K, tỉnh H; (Vắng mặt tại phiên tòa)

2. Anh Trần Văn H11, sinh năm 1988; Trú tại: thôn H3, xã T1, huyện K, tỉnh H; (Vắng mặt tại phiên tòa)

3. Anh Đỗ Trọng H12, sinh năm 1990; Trú tại: thôn H5, xã T1, huyện K, tỉnh H; (Vắng mặt tại phiên tòa)

4. Anh Đỗ Anh Q1, sinh năm 2002; Trú tại: thôn H5, xã T1, huyện K, tỉnh H; (Vắng mặt tại phiên tòa)

5. Anh Đặng Thái S1, sinh năm 1997; Trú tại: thôn H5, xã T1, huyện K, tỉnh H; (Vắng mặt tại phiên tòa)

6. Anh Lê Văn T6, sinh năm 2000; Trú tại: thôn Q, xã T1 huyện K, tỉnh H; (Vắng mặt tại phiên tòa)

7. Anh Đỗ Văn T7, sinh năm 1987; Trú tại: thôn H5, xã T1, huyện K, tỉnh H; (Vắng mặt tại phiên tòa)

8. Anh Nguyễn Hoàng Tr, sinh năm 1997; Trú tại: thôn H5, xã T1, huyện K, tỉnh H; (Vắng mặt tại phiên tòa)

9. Ông Lê Văn V sinh năm 1970; Trú tại: thôn H3, xã T1, huyện K, tỉnh H; (Có mặt tại phiên tòa)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

I. Hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự.

1. Đối với Vũ Thanh S sinh năm 1992 ở thôn Q, xã T1:

Ngày 03/01/2024, Cơ quan điều tra nhận được đơn trình báo của anh Vũ Thanh S sinh năm 1992 ở thôn Q, xã T1, huyện K với nội dung: Ngày 05/4/2023, do cần tiền để làm ăn, tiêu sài; anh S vay của Lê Văn H2 sinh năm 1996 ở thôn H3, xã T1, huyện K số tiền 20.000.000đ với lãi suất là 4.000đ/01 triệu/01 ngày, 01 tháng đóng lãi một lần, mỗi lần là 2.400.000đ. Khi vay, H2 cắt luôn tiền lãi 01 tháng đầu tiên, rồi chuyển số tiền 17.600.000đ từ tài khoản ngân hàng MBBank của H2 số "05886666666666" đến tài khoản ngân hàng MBbank của anh S. Đến ngày 08/4/2023, anh S tiếp tục hỏi vay H2 số tiền 10.000.000đ. H2 đồng ý cho vay nhưng vẫn thỏa T6 với lãi suất là 4.000đ/01 triệu/01 ngày, 01 tháng đóng lãi một lần, mỗi lần là 1.200.000đ; Lúc này, H2 lại dùng tài khoản ngân hàng của mình CH9ên số tiền 8.800.000đ đến tài khoản ngân hàng của anh S. Các tháng sau đó, anh S đã trả cho H2 đủ tiền lãi các tháng 5, 6, 7/2023 của hai khoản vay với tổng số tiền lãi là 10.800.000đ và 20.000.000đ tiền gốc. Đến nay, anh S còn nợ H2 10.000.000đ tiền gốc chưa trả. Như vậy, H2 đã thu của anh S tổng số tiền lãi là 14.400.000đ.

Cùng ngày 03/01/2024, Cơ quan điều tra đã triệu tập H2 đến Công an huyện K để làm việc. Tại Cơ quan điều tra, H2 đã khai nhận toàn bộ hành vi cho S vay tiền với lãi suất như trên. Cụ thể như sau:

- Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay 20.000.000đ là: $20\% \times 20.000.000đ : 12 \times 4 = 1.333.333đ$; Số tiền lãi H2 đã thu 4 tháng cho khoản vay này: $2.400.000đ \times 4 = 9.600.000đ$. Số tiền thu lời bất chính từ khoản tiền cho vay này là: $9.600.000đ - 1.333.333đ = 8.266.667đ$.

- Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay 10.000.000đ là: $20\% \times 10.000.000đ : 12 \times 4 = 666.666đ$; Số tiền lãi H2 đã thu 4 tháng cho khoản vay này: $1.200.000đ \times 4 = 4.800.000đ$. Số tiền thu lời bất chính từ khoản tiền cho vay là: $4.800.000đ - 666.666đ = 4.133.334đ$.

Như vậy, tổng số tiền H2 thu lời bất chính từ khoản tiền cho Vũ Thanh S vay là: $8.266.667đ + 4.133.334đ = 12.400.001đ$.

Quá trình điều tra mở rộng, Cơ quan CSĐT - Công an huyện K còn làm rõ ngoài hành vi cho anh S vay tiền với lãi suất cao; Từ tháng 5/2022 đến tháng 01/2024, H2 còn cho 07 người khác trên địa bàn huyện K vay tiền với lãi suất cao, cụ thể:

2. Đối với Trần Văn H11 sinh năm 1988 ở thôn H3, xã T1:

- Tháng 5/2022, H2 đã cho H11 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến tháng 2/2023, H2 không thu lãi nữa, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 09 tháng tiền lãi của H11 với số tiền là: $9 \times 1.200.000đ = 10.800.000đ$.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 10.000.000đ : 12 \times 9 = 1.500.000đ$. Như vậy, số tiền H2 thu lời bất chính từ khoản tiền cho vay này là: $10.800.000đ - 1.500.000đ = 9.300.000đ$.

- Tháng 6/2022, H2 đã cho H11 vay số tiền 25.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến tháng 2/2023, H2 không thu lãi nữa, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 08 tháng tiền lãi của H11 với số tiền là: $8 \times 3.000.000đ = 24.000.000đ$.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 25.000.000đ : 12 \times 8 = 3.333.333đ$. Như vậy, số tiền H2 thu lời bất chính từ khoản tiền cho vay này là: $24.000.000đ - 3.333.333đ = 20.666.667đ$.

- Tháng 12/2022, H2 đã cho H11 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến tháng 2/2023, H2 không thu lãi nữa, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 02 tháng tiền lãi của H11 với số tiền là: $2 \times 1.200.000đ = 2.400.000đ$.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 10.000.000đ : 12 \times 2 = 333.333đ$. Như vậy, số tiền H2 thu lời bất chính từ khoản tiền cho vay này là: $2.400.000đ - 333.333đ = 2.066.667đ$.

- Tháng 6/2023, H2 đã cho H11 vay tổng số tiền 40.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến tháng 12/2023, H2 không thu lãi nữa, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 06 tháng tiền lãi của H11 với số tiền là: $6 \times 4.800.000đ = 28.800.000đ$.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 40.000.000đ : 12 \times 6 = 4.000.000đ$. Như vậy, số tiền H2 thu lời bất chính từ khoản tiền cho vay này là: $28.800.000đ - 4.000.000đ = 24.800.000đ$.

Tổng số tiền H2 thu lời bất chính từ các khoản tiền cho Hòa vay là: $9.300.000đ + 20.666.667đ + 2.066.667đ + 24.800.000đ = 56.833.334đ$.

3. Đối với Đỗ Trọng H9 sinh năm 1990 ở thôn H5, xã T1:

- Tháng 6/2023, H2 đã cho H9 vay số tiền 30.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày; Đến nay, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 01 tháng tiền lãi của H9 với số tiền là: 3.600.000đ.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 30.000.000đ : 12 = 50.000đ$. Như vậy, số tiền H2 thu lời bất chính từ khoản tiền cho vay là: $3.600.000đ - 50.000đ = 3.550.000đ$.

4. Đối với Đỗ Anh Q1 sinh năm 2002 ở thôn H5, xã T1:

- Ngày 03/7/2023, H2 đã cho Q1 vay số tiền 20.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến nay, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 06 tháng tiền lãi của Q1 với số tiền là: $6 \times 2.400.000đ = 14.400.000đ$.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 20.000.000đ : 12 \times 6 = 2.000.000đ$. Như vậy, số tiền H2 thu lời bất chính từ khoản tiền cho vay là: $14.400.000đ - 2.000.000đ = 12.400.000đ$.

- Ngày 13/9/2023, H2 đã cho Q1 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến nay, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 04 tháng tiền lãi của Q1 với số tiền là: $4 \times 1.200.000đ = 4.800.000đ$.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 10.000.000đ : 12 \times 4 = 666.666đ$. Như vậy, số tiền H2 thu lãi bất chính từ khoản tiền cho vay là: $4.800.000đ - 666.666đ = 4.133.334đ$.

Tổng số tiền H2 thu lãi bất chính từ các khoản tiền cho Q1 vay là: $12.400.000đ + 4.133.334đ = 16.533.334đ$.

5. Đối với Đặng Thái S sinh năm 1997 ở thôn H5, xã T1:

- Ngày 19/8/2023, H2 đã cho S vay số tiền 15.000.000đ với lãi suất 5.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến nay, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 05 tháng tiền lãi của S với số tiền là: $5 \times 2.250.000đ = 11.250.000đ$.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 15.000.000đ : 12 \times 5 = 1.250.000đ$. Như vậy, số tiền H2 thu lãi bất chính từ khoản tiền cho vay này là: $11.250.000đ - 1.250.000đ = 10.000.000đ$.

6. Đối với Lê Văn T6 sinh năm 2000 ở thôn Q, xã T1:

- Ngày 13/6/2023, H2 đã cho T6 vay số tiền 15.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến nay, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 07 tháng tiền lãi của T6 với số tiền là: $7 \times 1.800.000đ = 12.600.000đ$.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 15.000.000đ : 12 \times 7 = 1.750.000đ$. Như vậy, số tiền H2 thu lãi bất chính từ khoản tiền cho vay này là: $12.600.000đ - 1.750.000đ = 10.850.000đ$.

7. Đối với Đỗ Văn T7 sinh năm 1987 ở thôn H5, xã T1:

- Tháng 2/2023, H2 đã cho T7 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến tháng 12/2023, H2 không thu lãi nữa, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 10 tháng tiền lãi của T7 với số tiền là: $10 \times 1.200.000đ = 12.000.000đ$.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 10.000.000đ : 12 \times 10 = 1.666.666đ$. Như vậy, số tiền H2 thu lãi bất chính từ khoản tiền cho vay này là: $12.000.000đ - 1.666.666đ = 10.333.334đ$.

- Tháng 3/2023, H2 đã cho T7 vay tổng số tiền 20.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến tháng 12/2023, H2 không thu lãi nữa, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 09 tháng tiền lãi của T7 với số tiền là: $9 \times 2.400.000đ = 21.600.000đ$.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 20.000.000đ : 12 \times 9 = 3.000.000đ$; Như vậy, số tiền H2 thu lãi bất chính từ khoản tiền cho vay này là: $21.600.000đ - 3.000.000đ = 18.600.000đ$.

- Tháng 5/2023, H2 đã cho T7 vay số tiền 10.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến tháng 12/2023, H2 không thu lãi nữa, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 07 tháng tiền lãi của T7 với số tiền là: $7 \times 1.200.000\text{đ} = 8.400.000\text{đ}$.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 10.000.000\text{đ} : 12 \times 7 = 1.166.666\text{đ}$. Như vậy, số tiền H2 thu lãi bất chính từ khoản tiền cho vay là: $8.400.000\text{đ} - 1.166.666\text{đ} = 7.233.334\text{đ}$.

- Tháng 6/2023, H2 đã cho T7 vay tổng số tiền 20.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến tháng 12/2023, H2 không thu lãi nữa, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 06 tháng tiền lãi của T7 với số tiền là: $6 \times 2.400.000\text{đ} = 14.400.000\text{đ}$.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 20.000.000\text{đ} : 12 \times 6 = 2.000.000\text{đ}$. Như vậy, số tiền H2 thu lãi bất chính từ khoản tiền cho vay là: $14.400.000\text{đ} - 2.000.000\text{đ} = 12.400.000\text{đ}$.

Tổng số tiền H2 thu lãi bất chính từ các khoản tiền cho T7 vay là: $10.333.334\text{đ} + 18.600.000\text{đ} + 7.233.334\text{đ} + 12.400.000\text{đ} = 48.566.668\text{đ}$.

8. Đối với Nguyễn Hoàng Tr sinh năm 1997 ở thôn H5, xã T1:

- Tháng 6/2023, H2 đã cho Tr vay số tiền 15.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến tháng 12/2023, H2 không thu tiền lãi nữa, H2 chưa thu tiền gốc và đã thu 06 tháng tiền lãi của Tr với số tiền là: $6 \times 1.800.000\text{đ} = 10.800.000\text{đ}$.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 15.000.000\text{đ} : 12 \times 6 = 1.500.000\text{đ}$. Như vậy, số tiền H2 thu lãi bất chính từ khoản tiền cho vay này là: $10.800.000\text{đ} - 1.500.000\text{đ} = 9.300.000\text{đ}$.

- Tháng 11/2023, H2 đã cho Tr vay số tiền 5.000.000đ với lãi suất 4.000đ/1 triệu tiền vay/ngày. Đến nay, H2 đã thu tiền gốc và thu 01 tháng tiền lãi của Tr với số tiền là: 600.000đ.

Số tiền lãi tối đa theo quy định của Bộ luật Dân sự (*lãi suất tối đa là 20%/năm*) đối với khoản vay trên là: $20\% \times 5.000.000\text{đ} : 12 = 83.333\text{đ}$. Như vậy, số tiền H2 thu lãi bất chính từ khoản tiền cho vay này là: $600.000\text{đ} - 83.333\text{đ} = 516.667\text{đ}$.

Tổng số tiền H2 thu lãi bất chính từ việc cho vay là: $9.300.000\text{đ} + 516.667\text{đ} = 9.816.667\text{đ}$.

Tổng số tiền H2 đã thu lãi bất chính từ việc cho vay lãi nặng đối với 08 người trên là: $12.400.001\text{đ} + 56.833.334\text{đ} + 3.550.000\text{đ} + 16.533.334\text{đ} + 10.000.000\text{đ} + 10.850.000\text{đ} + 48.566.668\text{đ} + 9.816.667\text{đ} = 168.550.004\text{đ}$.

II. Hành vi đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề.

Quá trình đấu tranh mở rộng vụ án, xác định: H2 sử dụng điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus màu trắng, lắp sim số "0969329311"; H2 đăng ký tài khoản zalo có tên "H2 Mid" bằng số điện thoại trên và có một tài khoản mạng xã hội

Facebook có tên "Lê H2" để đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô với các đối tượng khác, số đề cụ thể như sau:

1. Hành vi đánh bạc với Đào Mạnh C sinh 1990 ở thôn F, xã Đ, huyện K:

- Ngày 23/11/2023, H2 sử dụng tài khoản Facebook tên "Lê H2" của mình nhắn tin đến Facebook của C tên "Mạnh C" hỏi mua của anh C số lô 97x200 điểm với giá 22.000đ/01 điểm lô với tổng số tiền 4.400.000đ. C đồng ý bán cho H2 và nhắn tin trả lời "OK". So sánh với kết quả xổ số miền Bắc ngày hôm đó, H2 trúng 01 con lô 97, nhân với giá trúng là 80.000đ/01 điểm lô thì H2 được 16.000.000đ. Như vậy, sau khi trừ tiền gốc thì H2 thắng được 11.600.000đ. Sau đó, anh C đã dùng tài khoản của anh C chuyển tiền vào tài khoản MB bank số 0588666666666 của H2 số tiền 11.600.000đ. H2 đã nhận được số tiền này. Như vậy, tổng số tiền H2 và C đã sử dụng để đánh bạc với nhau ngày 23/11/2023 là 20.400.000đ.

- Trước đó, vào ngày 12/11/2023, H2 cũng mua của C 50 điểm số lô 91 ứng với số tiền 1.100.000đ. So sánh kết quả xổ số miền Bắc ngày hôm đó, số lô H2 mua không trúng thưởng. Sau đó, H2 và anh C đã thanh toán tiền thắng, thua cho nhau bằng hình thức thanh toán tiền mặt. Như vậy, tổng số tiền H2 và C đã sử dụng để đánh bạc với nhau ngày 12/11/2023 là 1.100.000đ.

2. Hành vi đánh bạc với Đào Văn H4 sinh năm 1990 ở thôn E, xã Đ, huyện K:

- Ngày 13/9/2023, H4 có sử dụng số điện thoại "0967133580" của mình nhắn tin đến số điện thoại của H2 là "0969329311" hỏi mua của H2 số lô: 06, 56, 47 và 67 mỗi con 50 điểm với giá 22.500đ/01 điểm lô, tổng số tiền 4.500.000đ. H2 nhắn tin trả lời OK. So với kết quả xổ số miền Bắc ngày hôm đó thì H4 trúng lô 06 một con. Như vậy, H4 được 4.000.000đ, trừ đi tiền gốc H4 thua H2 500.000đ. Số tiền này hai bên đã thanh toán tiền mặt xong. Như vậy, tổng số tiền H2 và H4 đã sử dụng để đánh bạc với nhau ngày 13/9/2023 là 8.500.000đ.

- Trước đó, vào ngày 10/9/2023, H4 cũng mua của H2 các số lô 07,70 mỗi số 50 điểm ứng với tổng số tiền 2.250.000đ; So sánh kết quả xổ số miền Bắc hôm đó, các số lô H4 mua không trúng thưởng. Sau đó, H2 và H4 đã thanh toán tiền thắng thua xong. Như vậy, tổng số tiền H2 và H4 đã sử dụng để đánh bạc với nhau ngày 10/9/2023 là 2.250.000đ.

3. Hành vi đánh bạc với Đỗ Đức L sinh năm 1992 ở thôn H5, xã T1:

- Ngày 08/11/2023, L nhắn tin qua Zalo của H2 (H2 lưu tên của L trong Zalo là "Đút") hỏi mua của H2 các số lô, đề như sau: Lô 04, 40, 29, 92 mỗi con 30 điểm với giá 22.500đ/01 điểm lô; Xiên quay: 04,40, 29,92 x 50.000đ (nghĩa là có 10 cặp, mỗi cặp 50.000đ, tổng là 500.000đ); Đề 56,65,23,32 mỗi con 50.000 đồng; Ba càng 565, 665,223 mỗi con 50.000đ. Như vậy, L đã mua của H2 tổng số tiền 3.550.000đ tiền lô, xiên, đề và ba càng; H2 đồng ý bán và nhắn tin trả lời "OK". So sánh với kết quả xổ số miền Bắc ngày hôm đó thì L trúng lô 04, 40 và 29 mỗi con 01 "nháy"; Đồng nghĩa là cũng được 03 cặp lô xiên 2, 01 cặp lô xiên 3. Như vậy, tổng tiền L

được là 10.700.000đ, sau khi trừ tiền gốc L thắng H2 7.150.000đ. Sau đó, hai bên đã thanh toán với nhau xong số tiền này. Như vậy, tổng số tiền H2 và L đã sử dụng để đánh bạc ngày 08/11/2023 là 14.250.000đ.

- Vào ngày 04/11/2023, L cũng nhắn tin qua Zalo mua của H2 các số đề 49,94,23,32 mỗi số 30.000đ; các số ba càng 894,223 mỗi số 40.000đ ứng với tổng số tiền 200.000đ. So sánh kết quả, các số đề, ba càng ngày hôm đó thì L không trúng. Sau đó, H2 và L đã thanh toán tiền thắng thua với nhau xong. Như vậy, tổng số tiền H2 và L đã sử dụng để đánh bạc ngày 04/11/2023 là 200.000đ.

4. Hành vi đánh bạc với Nguyễn Văn H9 sinh năm 1992 ở thôn H3, xã T1:

- Ngày 29/12/2023, H9 dùng Facebook của mình tên "Nguyễn H9" nhắn tin đến Facebook của H2 hỏi mua các số lô, số đề thì H2 đồng ý. H2 bán cho H9 15 điểm số lô 04; các số lô 59,64,60,65,07,22,74,15 mỗi số 10 điểm; các số lô 02,09,89,45,37 mỗi số 05 điểm; các số đề 59,64,60,65 mỗi số 30.000đ; các số đề 59,95,60 mỗi số 20.000đ ứng với tổng số tiền 2.940.000đ. So sánh kết quả xổ số hôm đó, H9 trúng thưởng 01 lần số lô 59; 01 lần số lô 60; 01 lần số lô 07; 01 lần số lô 45; 01 lần số lô 74 ứng với số tiền 3.600.000đ. Sau đó, H2 đã trả cho H9 trực tiếp bằng tiền mặt số tiền H9 thắng hôm đó là 660.000đ. Như vậy, số tiền H2 và H9 đánh bạc trong ngày 29/12/2023 là: 6.540.000đ.

- Trước đó vào ngày 21/12/2023, H9 cũng nhắn tin mua của H2 các số lô 09,98 mỗi số 10 điểm; các số lô 03,74,75,97,98 mỗi số 05 điểm ứng với tổng số tiền 920.000đ. So sánh kết quả hôm đó, H9 trúng thưởng 01 lần các số lô 09,03,75,97 ứng với tổng số tiền 2.000.000đ. Sau đó, H2 và H9 đã thanh toán tiền thắng thua trực tiếp bằng tiền mặt; Các tin nhắn này vẫn còn trên điện thoại của H2. Như vậy, số tiền H2 và H9 đánh bạc trong ngày 21/12/2023 là: 2.920.000đ

Ngoài ra, H2 cũng khai nhận vào khoảng năm 2022 đến năm 2023, khi H2 đi làm tại thành phố Hà Nội thì H2 cũng có bán số lô, số đề cho: Đoàn Văn C1 sinh năm 1994 ở xã Trục T8, huyện T9, tỉnh N; Trần Văn T10 sinh năm 1995 ở huyện L3, tỉnh H13 (hiện đang ở tổ dân phố số G, phường C2, Quận N, TP H14) và Nguyễn Văn T11 sinh năm 1997 ở thôn Q, xã T1, huyện K. Tuy nhiên, do thời gian đã lâu nên H2 không nhớ thời gian, hình thức và số lô, số đề đã bán cho các đối tượng này.

- Đối với Lê Văn H2: Các ngày 10/9/2023, 04/11/2023 và 21/12/2023, H2 có hành vi bán số lô, số đề cho Đào Văn H4, Đỗ Đức L và Nguyễn Văn H9 nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Công an huyện K đã có tờ trình báo cáo Chủ tịch UBND huyện K ra Quyết định xử phạt hành chính theo thẩm quyền. Ngày 23/02/2024, Chủ tịch UBND huyện K đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Lê Văn H2 về hành vi “*Làm chủ lô, đề*”;

- Đối với Đào Mạnh C: Ngày 12/11/2023, C có hành vi bán số lô, số đề cho H2 nhưng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 23/02/2024, Chủ tịch UBND huyện K đã ra Quyết định xử phạt hành chính đối với Đào Mạnh C về hành vi “*Làm chủ lô, đề*”.

- Đối với H4, L và H9 có hành vi mua các số lô, số đề của H2; H2 có hành vi mua các số lô, số đề của C như đã nêu trên nhưng cũng chưa đến mức truy cứu trách nhiệm hình sự. Ngày 22/02/2024, Công an huyện K đã ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính đối với H2, H4, L và H9, về hành vi “*Mua các số lô, số đề*”.

- Đối với các đối tượng: Đoàn Văn C1, Trần Văn T10 và Nguyễn Văn T11 đã từng mua các số lô, số đề của H2. Quá trình điều tra, H2 không nhớ thời gian bán, không nhớ các số lô, số đề số lô, số đề cho các đối tượng. Mặt khác, Cơ quan điều tra đã tiến hành xác minh nhân thân, nhiều lần triệu tập các đối tượng nhưng tất cả đều không có mặt tại địa phương, không biết đi đâu, làm gì. Ngày 22/3/2024, Cơ quan điều tra đã ra các quyết định truy tìm người đối với các đối tượng trên. Cơ quan điều tra đã tiếp tục xác minh truy tìm để làm việc đấu tranh với các đối tượng, nếu có căn cứ sẽ xem xét xử lý sau.

Cơ quan điều tra đã tiến hành thu giữ: 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus vỏ màu trắng bên trong có lắp số sim 0969-329-311 của H2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme vỏ màu xanh của C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13promax vỏ màu xanh của H9, 01 điện thoại di động nhãn hiệu POCO vỏ màu đen của L, 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus vỏ màu trắng của H4 là vật chứng của vụ án đánh bạc dưới hình thức mua, bán số lô, số đề. Cơ quan điều tra đã niêm phong nhập vào kho vật chứng thuộc Công an Huyện K chờ xử lý.

Quá trình điều tra, các bị can Lê Văn H2, Đào Văn H4, Đỗ Đức L, Đào Mạnh C và Nguyễn Văn H9 đã thành khẩn khai nhận toàn bộ diễn biến hành vi phạm tội của mình như đã nêu trên..

Tại bản cáo trạng số: 41/CT – VKSKC, ngày 10 tháng 4 năm 2024 của Viện kiểm sát nhân dân huyện K truy tố Lê Văn H2 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 và tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 2 Điều 201 của BLHS. Đào Văn H4, Đỗ Đức L, Đào Mạnh C và Nguyễn Văn H9 về tội “Đánh bạc” quy định tại khoản 1 Điều 321 của BLHS;

Tại phiên tòa hôm nay:

[1] Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K giữ nguyên Cáo trạng truy tố đối với các bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử: Tuyên bố bị cáo H2 phạm các tội: “Đánh Bạc” và “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Các bị cáo H4, L, C và H9 phạm tội “Đánh bạc”; Áp dụng khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 38 của BLHS năm 2015; Khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 và Điều 55 của BLHS năm 2015 (Đối với H2). Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLHS năm 2015 đối với các bị cáo L, C và H9. Riêng bị cáo L áp dụng thêm khoản 4 Điều 328 của BLTTHS năm 2015. Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo H4. Đề nghị xử phạt bị cáo H2 từ 01 năm đến 01 năm 03 tháng tù về tội “Đánh bạc”; Từ 09 tháng

đến 01 năm tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tổng hợp chung hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo H2 phải thi hành. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo tạm giữ, tạm giam (Ngày 04/01/2024). Đề nghị xử phạt bị cáo H4 từ 09 tháng đến 01 năm tù, được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam từ (04/01/2024 đến ngày 31/01/2024). Đề nghị Phạt tiền đối với các bị cáo C, L và H9 mỗi bị cáo từ 20.000.000đ đến 50.000.000đ. **Về trách nhiệm dân sự:** Căn cứ khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 123; khoản 2 Điều 131; Điều 357, Điều 468 và Điều 579 của BLDS năm 2015 buộc bị cáo H2 phải hoàn trả lại cho anh Vũ Thanh S số tiền 12.400.001đ. **Về biện pháp tư pháp:** Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điểm a, b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015. Đề nghị truy thu sung quỹ nhà nước đối với anh Vũ Thanh S 10.000.000đ; Anh Trần Văn H11 85.000.000đ; Anh Đỗ Trọng H9 30.000.000đ; Anh Đỗ Anh Q1 30.000.000đ; Anh Đặng Thái S 15.000.000đ; Anh Lê Văn T6 15.000.000đ; Anh Đỗ Văn T7 60.000.000đ; Anh Nguyễn Hoàng Tr 20.000.000đ; Truy thu sung quỹ **nhà nước đối với bị cáo H2 tổng số tiền số tiền 49.266.331đ.**

Ngoài ra, đại diện VKSND huyện Kcòn đề nghị điều luật áp dụng và đường lối xử lý vật chứng, truy thu tiền các bị cáo sử dụng vào việc đánh bạc và thắng bạc trong vụ án.

[2]. Bị cáo H2 thừa nhận toàn bộ hành vi đánh bạc và cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự. Các bị cáo L, C, H9 và H4 thành khẩn khai nhận về hành vi đánh bạc của các bị cáo được miêu tả trong bản cáo trạng, các bị cáo nhất trí với bản cáo trạng và luận tội của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện K đồng thời thành khẩn khai báo nhận tội, thái độ ăn năn hối cải. Được nói lời sau cùng, các bị cáo H2 và H4 trình bày hoàn cảnh khó khăn, xin được giảm nhẹ hình phạt và xin miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền. Riêng các bị cáo C, L và H9 đề nghị được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền.

[3]. Ông Lê Văn V trình bày sau khi H2 phạm tội và bị tạm giam thì H2 đã rất ăn năn nên có nhờ ông thay H2 đứng ra trả lại tiền lãi vượt quá mức lãi suất cao nhất mà H2 thu của những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hòa, anh H9, anh Q1, anh Đặng Thái S, anh T6, anh Tr và anh T7. Riêng anh Vũ Thanh S thì ông V không tiếp cận được nên chưa thay H2 trả lại tiền cho anh S được. Số tiền ông V thay H2 trả lại cho những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan nêu trên một phần là tiền của H2 đi làm tích cóp gửi ông, phần còn lại là tài sản riêng ông tích cóp được nhưng ông V không yêu cầu giải quyết trong vụ án này.

[4]. Người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan là anh Vũ Thanh S, anh Trần Văn Hòa, Đỗ Trọng H9, Đỗ Anh Q1, Đặng Thái S, Đỗ Văn T6, Nguyễn Hoàng Tr, Đỗ Văn T7 đã được triệu tập tham gia phiên tòa nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, trong hồ sơ vụ án đã có lời khai, quan điểm rõ ràng, việc vắng mặt tại phiên tòa hôm nay không ảnh hưởng đến việc xét xử vụ án, nên HĐXX căn cứ vào Điều 292 của BLTTHS năm 2015 vẫn tiến hành xét xử vụ án.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra, xét hỏi, tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận thấy như sau:

[1]. Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an Huyện K, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân Huyện K, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố: Đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015: Quá trình điều tra, chuẩn bị xét xử và tại phiên tòa bị cáo không xuất trình tài liệu, chứng cứ gì, không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2]. Về tội danh và điều luật áp dụng: Tại Cơ quan điều tra và tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H2 thành khẩn khai nhận trong khoảng thời gian từ tháng 05/2022 đến tháng 11/2023, H2 đã cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với Vũ Thanh S, Trần Văn Hòa, Đỗ Trọng H9, Đỗ Anh Q1, Đặng Thái S, Lê Văn T6, Nguyễn H11ng Tr, Đỗ Văn T7 mức lãi suất là 146,0%/năm và 182,5%/năm. Tổng số tiền H2 đã thu lợi bất chính từ việc cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với những người trên là 168.550.004đ. Ngoài hành vi trên, thì vào ngày 23/11/2023, H2 còn đánh bạc với C bằng hình thức mua số lô, số đề với tổng số tiền là 20.400.000đ; Ngày 13/9/2023, H2 bán số lô, số đề cho H4 với tổng số tiền là 8.500.000đ; Ngày 08/11/2023, H2 bán số lô, số đề cho L với tổng số tiền là 14.250.000đ; Ngày 29/12/2023, H2 bán số lô, số đề cho H9 với tổng số tiền là: 6.540.000đ. Các bị cáo C, H4, L và H9 thừa nhận lời khai của bị cáo H2 trình bày ở trên là hoàn toàn đúng. Lời khai nhận tội của các bị cáo hoàn toàn phù hợp với nhau và phù hợp với lời khai của những người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan. Các bị cáo cũng khẳng định tại cơ quan điều tra các bị cáo được khai báo tự nguyện, đúng sự thật, không bị ép cung, mớm cung hoặc bị dùng nhục hình, kết hợp với các tài liệu, chứng cứ đã được làm rõ tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy đủ căn cứ để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 05/2022 đến tháng 11/2023, Lê Văn H2 đã cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự đối với Vũ Thanh S, Trần Văn Hòa, Đỗ Trọng H9, Đỗ Anh Q1, Đặng Thái S, Lê Văn T6, Nguyễn Hoàng Tr, Đỗ Văn T7 mức lãi suất là 146,0%/năm và 182,5%/năm. Tổng số tiền mà Lê Văn H2 đã thu lợi bất chính là 168.550.004đ; Vào các ngày: 23/11/2023, 13/9/2023, 08/11/2023, 29/12/2023 Lê Văn H2 còn đánh bạc dưới hình thức mua bán số lô, số đề với Đào Mạnh C, Đào Văn H4, Đỗ Đức L, Nguyễn Văn H9 với tổng số tiền lần lượt là: 20.400.000đ, 8.500.000đ, 14.250.000đ, 6.540.000đ. Nên Viện kiểm sát nhân dân huyện K đã truy tố bị cáo H2, H4, C, L và H9 theo tội danh và điều luật áp dụng trong Cáo trạng số 41/CT-VKS - KC ngày 10/4/2024 là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét vai trò, tính chất mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo đã thực hiện thì thấy rằng:

Đối với hành vi Đánh bạc của H2, C H4, L, H9 là đồng phạm giản đơn. Trong đó, H2 và C là người bán số lô, số đề nên giữ vai trò tích cực nhất. Các bị cáo còn lại là H4, L và H9 giữ vai trò đồng phạm ngang nhau là người mua số lô, số đề. Ngoài đồng phạm trong vụ án “Đánh bạc” thì H2 còn phải chịu trách nhiệm độc lập về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Đối với hành vi đánh bạc: Các bị cáo Lê Văn H2, Đào Văn H4, Đỗ Đức L, Đào Mạnh C và Nguyễn Văn H9 đều là người có đầy đủ khả năng nhận thức và điều khiển hành vi, nhận thức được việc đánh bạc trái phép dưới hình thức mua bán số lô, số đề được thua bằng tiền là vi phạm pháp luật nhưng vì động cơ tư lợi, vì ham muốn đồ đen các bị cáo vẫn thực hiện hành vi đánh bạc của mình. Bị cáo C thừa nhận là người trực tiếp ghi bán số đề, số lô, thu tiền và thanh toán tiền trúng thưởng cho H2. Bị cáo H2 cũng thừa nhận là người trực tiếp ghi bán số đề, số lô, thu tiền và thanh toán tiền trúng thưởng cho các bị cáo H4, L và H9. Hành vi của các bị cáo như nêu trên là nguy hiểm cho xã hội, gây mất trật tự an ninh ở địa phương, xâm phạm trật tự an toàn xã hội, làm ảnh hưởng trực tiếp đến điều kiện phát triển kinh tế cũng như cuộc sống hạnh phúc của nhiều gia đình. Đánh bạc là một tệ nạn xã hội, là nguyên nhân phát sinh nhiều loại tội phạm khác, làm sa sút kinh tế, tha hóa con người, gây nên sự bức xúc, phẫn nộ trong quần chúng nhân dân. Vì vậy, các bị cáo cần bị xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

Đối với hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự của bị cáo H2 tuy là ít nghiêm trọng nhưng đã xâm phạm đến việc quản lý kinh tế của Nhà nước, làm lũng đoạn chính sách tín dụng của Nhà nước, gây mất trật tự trị an tại địa phương, gây ảnh hưởng xấu đến công tác đấu tranh, phòng chống tệ nạn xã hội và làm cho nhiều gia đình vì vay lãi nặng mà lâm vào cảnh điêu đứng, khốn cùng, đồng thời là nguyên nhân phát sinh tệ nạn tín dụng đen. Bản thân bị cáo là người trưởng thành, có đủ năng lực trách nhiệm hình sự, nhận thức được hành vi cho vay mức lãi suất là 146,0%/năm, cao hơn từ 5 lần lãi quy định của Nhà nước trở lên là vi phạm pháp luật, nhưng chỉ vì lợi nhuận trước mắt, muốn làm giàu nhanh chóng bị cáo đã phạm tội.

Vì vậy, các bị cáo cần bị xử lý nghiêm nhằm mục đích giáo dục và phòng ngừa chung trong toàn xã hội.

[4] Xét về nhân thân, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo thì thấy rằng:

[4.1] Về nhân thân: Bị cáo H4 có nhân thân xấu, ngày 31/3/2011 từng bị Tòa án nhân dân tối cao đưa ra xét xử vào về tội “Giết người” với mức án 13 năm tù giam, chấp hành xong án tù ngày 04/12/2020. Các bị cáo còn lại là H2, C, L và H9 đều có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội.

[4.2] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Tại bản án số 159/2011/HPTT, ngày 31/01/2011 của Tòa án nhân dân tối cao đã xử phạt bị cáo H4 13 năm tù về tội “Giết người”, chấp hành xong án tù ngày 04/12/2020. Do vậy, lần phạm tội này H4 bị xác định là đối tượng có tiền án về tội “Giết người” chưa được xóa án tích lại phạm tội do cố ý. Bị cáo H2 phạm tội 02 lần trở lên đối với hành vi đánh bạc. Nên H4 phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 và H2 phải chịu 01 tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm g khoản 1 Điều 52 của BLHS. Các bị cáo còn lại là C, L và H9 đều không có tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự.

[4.3] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Đối với tội danh “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”. Tại cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa hôm nay, bị cáo H2 đã thành khẩn khai báo, thái độ ăn năn hối cải; sau khi phạm tội bị cáo H2 đã ăn năn hối cải, đã tác động đến bố đẻ của bị cáo là ông Lê Văn V để ông V thay bị cáo trả lại số tiền lãi vượt quá tiền lãi tối đa theo quy định của BLDS năm 2015 cho một số người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là anh Hòa, anh H9, anh Q1, anh Đặng Thái S, anh T6, anh Tr và anh T7. Ngoài ra, bố của bị cáo còn có đơn trình bày hoàn cảnh khó khăn và xin được giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận. Vì vậy, HĐXX cho bị cáo được hưởng các tình tiết quy định tại điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015 để giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện sự nhân đạo của pháp luật.

Đối với tội danh “Đánh bạc”, các bị cáo H2, C, H4, L và H9 đều thành khẩn khai nhận hành vi phạm tội của mình, thể hiện sự ăn năn hối cải; Các bị cáo C, L và H9 phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; Bị cáo H2 và H4 đều có đơn xin giảm nhẹ hình phạt được chính quyền địa phương xác nhận. Các bị cáo L, H9 và C có đơn trình bày hoàn cảnh xin miễn hình phạt bổ sung là phạt tiền và đề nghị được áp dụng hình phạt chính là phạt tiền. Ngoài ra, bố đẻ của bị cáo C là ông Đào Minh H7 (Đào Văn H7) còn có thành tích được tặng Giấy khen, bằng khen, và Huân, H9 chương; Bị cáo H2 có ông nội là Lê Văn T12 có thành tích được tặng Huân chương chiến sỹ vẻ vang và ông ngoại là Nguyễn Văn H15 được tặng thưởng huân chương kháng chiến hạng nhì. Nên C, L và H9 được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015. Các bị cáo H2 và H4 chỉ được áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của BLHS năm 2015.

Sau khi xem xét nhân thân, diễn biến vụ án, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với tất cả các bị cáo, Hội đồng xét xử xét thấy bị cáo H2 mặc dù chưa có tiền án tiền sự, nhưng phạm nhiều tội; Bị cáo H4 lần phạm tội này thuộc trường hợp tái phạm. Do vậy, cần phải có mức án nghiêm khắc, cách ly các bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, nhằm giáo dục các bị cáo trở thành người có ích cho xã hội, có ý thức tuân thủ pháp luật và các quy tắc của cuộc sống xã hội chủ nghĩa, đồng thời giáo dục người khác tôn trọng pháp luật và cũng là đáp ứng nhu

cầu phòng ngừa chung trong toàn xã hội. Thời gian đã tạm giữ, tạm giam đối với bị cáo H4 (Từ ngày 04/01/2024 đến ngày 31/01/2024) là 27 ngày được trừ vào thời gian chấp hành hình phạt tù theo quy định tại Điều 38 của BLHS năm 2015.

Đối với bị cáo H2, lần xét xử này bị cáo phạm nhiều tội nên khi quyết định hình phạt HĐXX quyết định hình phạt đối với từng tội và tổng hợp hình phạt theo quy định tại Điều 55 của BLHS năm 2015.

Đối với các bị cáo C, L và H9 có nhân thân tốt, phạm tội ít nghiêm trọng, có vai trò không đáng kể, có đơn đề nghị được áp dụng hình phạt nhẹ nhất và có điều kiện để chấp hành hình phạt chính là phạt tiền nên cần áp dụng Điều 35 của BLHS năm 2015 để phạt tiền đối với các bị cáo.

Trả tự do cho bị cáo Đỗ Đức L tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Kvề tội danh, điều luật áp dụng và mức hình phạt đối với các bị cáo là phù hợp nên cần được chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ và lời khai của các bị cáo tại phiên tòa đều cho thấy H2 và H4 là các đối tượng không có công ăn việc làm, không có thu nhập ổn định. Các bị cáo C, L và H9 đã bị áp dụng hình phạt chính là phạt tiền rồi nên Hội đồng xét xử quyết định không áp dụng khoản 3 Điều 201 đối với bị cáo H2 và khoản 3 Điều 321 của BLHS năm 2015 là phạt tiền đối với các bị cáo H2, C, H4, L và H9.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Đối với số tiền mà H2 chiếm đoạt bất hợp pháp từ việc cho Vũ Thanh S, Hòa, H9, Q1, Đặng Thái S, T6, T7 và Tr vay với mức lãi suất cao vượt quá mức lãi suất cao nhất được quy định của BLDS năm 2015 thì cần dùng khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 123; khoản 2 Điều 131; Điều 357, Điều 468 và Điều 579 của BLDS năm 2015 để buộc bị cáo H2 phải có nghĩa vụ hoàn trả lại cho họ. Nhưng sau khi H2 bị bắt thì ông Lê Văn V – bố đẻ của bị cáo H2 đã thay H2 trả lại cho anh Hòa 56.833.334đ; anh H9 3.550.000đ; anh Q1 12.400.000đ; anh Đặng Thái S 10.000.000đ; anh T6 10.850.000đ; anh T7 48.566.668đ và anh Tr số tiền 9.816.667đ. Riêng đối với anh Vũ Thanh S thì ông V không tiếp cận được nên chưa thực hiện được nghĩa vụ thay cho H2 nên cần buộc H2 phải trả cho anh Vũ Thanh S số tiền 12.400.001đ. Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu bị cáo chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của BLDS năm 2015.

[7] Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điểm a, b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015 để xử lý như sau:

Đối với số tiền gốc được H2 sử dụng cho Vũ Thanh S, Hòa, Đỗ Trọng H9, Q1, Đặng Thái S, T6, T7 và Tr vay nhưng Vũ Thanh S, Hòa, Đỗ Trọng H9, Q1, Đặng Thái S, T6, T7 và Tr vẫn chưa trả cho H2 nên cần truy thu của anh Vũ Thanh S 10.000.000đ; anh Hòa 85.000.000đ, anh Đỗ Trọng H9 30.000.000đ, anh Q1

30.000.000đ, anh Đặng Thái S 15.000.000đ, anh T6 15.000.000đ, anh T7 60.000.000đ và anh Tr 20.000.000đ để sung quỹ Nhà nước.

Đối với số tiền 20.000.000đ là tiền gốc H2 cho anh Vũ Thanh S vay vào ngày 05/4/2023, anh S đã thanh toán xong cho H2 cả gốc lẫn lãi nên cần truy thu của H2 số tiền gốc này để sung quỹ nhà nước.

Đối với số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS năm 2015 mà H2 đã thu được của anh Vũ Thanh S, anh Hòa, anh H9, anh Q1, anh Đặng Thái S, anh T6, anh T7 và anh Tr thì cần thiết phải truy thu của bị cáo H2 để sung quỹ nhà nước. Cụ thể cần truy thu của H2 số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất theo quy định của BLDS mà H2 đã thu được của anh Vũ Thanh S là 1.999.999đ; của anh Hòa là 9.166.666đ, của anh H9 là 50.000đ, của anh Q1 là 6.133.334đ, của anh Đặng Thái S là 1.250.000đ, của anh T6 là 1.750.000; của anh T7 là 7.333.332đ và của anh Tr là 1.583.000đ. Tổng số tiền lãi tương ứng mức lãi suất cao nhất phải truy thu của H2 là **29.266.331đ**.

Đối với hành vi đánh bạc của các bị cáo vào các ngày 23/11/2023; 13/9/2023; 18/11/2023; 29/12/2023 cần truy thu số tiền đánh bạc và thắng bạc đối với các bị cáo để sung quỹ nhà nước.

[8] Về vật chứng: Đối với 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus vỏ màu trắng bên trong có lắp số sim 0969-329-311 thu của Lê Văn H2; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme vỏ màu xanh thu của C; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13promax vỏ màu xanh thu của Nguyễn Văn H9, 01 điện thoại di động nhãn hiệu POCO vỏ màu đen thu của Đỗ Đức L, 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus vỏ màu trắng thu của Đào Văn H4 là công cụ, phương tiện các bị cáo sử dụng để mua, bán số lô, số đề nên cần tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

[9] Về án phí: Căn cứ Điều 136 của BLTTHS năm 2015 và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Cần buộc bị cáo H2 phải chịu án phí hình sự sơ thẩm là 200.000đ và án phí trách nhiệm dân sự có giá ngạch là $12.400.001đ \times 5\% = 620.000đ$. Các bị cáo C, H4, L và H9 mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000đ.

[10] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH;

Căn cứ: Khoản 2 Điều 201; điểm b, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; Điều 38 của BLHS năm 2015;

T7 bổ: Bị cáo Lê Văn H2 phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H2 09 (Chín) tháng tù về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Căn cứ: Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS năm 2015.

Tuyên bố: Bị cáo Lê Văn H2 phạm tội “Đánh bạc”.

Xử phạt: Bị cáo Lê Văn H2 01 (Một) năm tù về tội “Đánh bạc”.

Căn cứ: Điều 55 của BLHS năm 2015. Tổng hợp chung hình phạt của cả hai tội buộc bị cáo H2 phải thi hành là 01 (Một) năm 09 (Chín) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 04/01/2024.

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm h khoản 1 Điều 52 và Điều 38 của BLHS năm 2015 đối với bị cáo Đào Văn H4.

- Khoản 1 Điều 321; Điều 17; Điều 58; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51; điểm a khoản 1 Điều 35 của BLHS năm 2015 đối với các bị cáo Đỗ Đức L, Đào Mạnh C và Nguyễn Văn H9. Riêng bị cáo L áp dụng thêm khoản 4 Điều 328 của BLTTHS năm 2015.

Tuyên bố: Các bị cáo Đỗ Đức L, Đào Mạnh C, Nguyễn Văn H9 và Đào Văn H4 phạm tội “Đánh bạc”;

Xử phạt: Bị cáo Đào Văn H4 09 (Chín) tháng tù, được trừ đi thời gian đã tạm giữ, tạm giam (từ ngày 04/01/2024 đến ngày 31/01/2024) là 27 (Hai mươi bảy) ngày, bị cáo H4 còn phải thi hành 08 (Tám) tháng 03 (Ba) ngày tù. Thời hạn tù tính từ ngày bị cáo đi chấp hành hình phạt tù.

Phạt tiền bị cáo Đào Mạnh C 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng).

Phạt tiền các bị cáo Đỗ Đức L và Nguyễn Văn H9 mỗi bị cáo 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Trả tự do cho bị cáo Đỗ Đức L ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giam về một tội phạm khác.

Về trách nhiệm dân sự: Căn cứ khoản 1 Điều 48 của BLHS năm 2015; Điều 123; khoản 2 Điều 131; Điều 357, Điều 468 và Điều 579 của BLDS năm 2015 buộc bị cáo Lê Văn H2 phải trả lại cho anh Vũ Thanh S, sinh năm 1992 ở thôn Q, xã T1, huyện K số tiền 12.400.001đ (Mười hai triệu bốn trăm nghìn không trăm linh một đồng). Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật, người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án hợp pháp, nếu bị cáo chậm thi hành khoản tiền nêu trên thì phải chịu lãi theo quy định tại Điều 357 và Điều 468 của BLDS năm 2015.

Về biện pháp tư pháp: Căn cứ điểm a, b khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điểm a, b khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015.

Truy thu sung quỹ nhà nước đối với: anh Vũ Thanh S, sinh năm 1992 ở thôn Q, xã T1, huyện K, tỉnh H số tiền 10.000.000đ (Mười triệu đồng); Anh Trần Văn H11, sinh năm 1988 ở thôn H3, xã T1, huyện K, tỉnh H số tiền 85.000.000đ (Tám mươi lăm triệu đồng); Anh Đỗ Trọng H9, sinh năm 1990 ở thôn H5, xã T1, huyện

K, tỉnh H số tiền 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); Anh Đỗ Anh Q1, sinh năm 2002 ở thôn H5, xã T1, huyện K, tỉnh H 30.000.000đ (Ba mươi triệu đồng); Anh Đặng Thái S, sinh năm 1997 ở thôn H5, xã T1, huyện K, tỉnh H 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Anh Lê Văn T6, sinh năm 2000 ở thôn Q, xã T1, huyện K, tỉnh H 15.000.000đ (Mười lăm triệu đồng); Anh Đỗ Văn T7, sinh năm 1987 ở thôn H5, xã T1, Huyện K, tỉnh H 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng); Anh Nguyễn Hoàng Tr, sinh năm 1997 ở thôn H5, xã T1, Huyện K, tỉnh H 20.000.000đ (Hai mươi triệu đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Lê Văn H2 tổng số tiền là 76.256.331đ (Bảy mươi sáu triệu hai trăm năm mươi sáu nghìn ba trăm ba mươi một đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Đào Mạnh C số tiền 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Đào Văn H4 số tiền 4.000.000đ (Bốn triệu đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Đỗ Đức L số tiền 10.700.000đ (Mười triệu bảy trăm nghìn đồng).

Truy thu sung quỹ nhà nước đối với bị cáo Nguyễn Văn H9 số tiền 3.600.000đ (Ba triệu sáu trăm nghìn đồng).

Về vật chứng trong vụ án: Căn quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 của BLHS năm 2015; Điểm a khoản 2 Điều 106 của BLTTHS năm 2015. Tịch thu phát mại sung quỹ nhà nước đối với:

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 7plus vỏ màu trắng đã qua sử dụng đựng trong niêm phong có chữ ký của Lê Văn H2.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Realme vỏ màu xanh đã qua sử dụng đựng trong niêm phong có chữ ký của Đào Mạnh C.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu Iphone 13promax vỏ màu xanh thu đã qua sử dụng đựng trong niêm phong có chữ ký của Nguyễn Văn H9.

- 01 điện thoại di động nhãn hiệu POCO vỏ màu đen đã qua sử dụng đựng trong niêm phong có chữ ký của Đỗ Đức L.

- 01 chiếc điện thoại Iphone 7 Plus vỏ màu trắng đã qua sử dụng đựng trong niêm phong có chữ ký của Đào Văn H4.

(Tình trạng vật chứng như trong quyết định cH9ên vật chứng số 29/QĐ-VKS - KC ngày 10/4/204 của VKSND huyện K).

Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 của BLTTHS năm 2015; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc bị cáo Lê Văn H2 phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí HSST và 620.000đ (Sáu trăm hai mươi nghìn đồng) án phí trách nhiệm dân sự có giá ngạch.

Buộc các bị cáo C, H4, L và H9 mỗi bị cáo phải chịu án phí HSST là 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng).

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 của BLTTHS năm 2015.

Báo cho các bị cáo, người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan có mặt biết có quyền kháng cáo bản án, phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày T7 án (ngày 17/5/2024). Báo cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt biết có quyền kháng cáo phần bản án, quyết định có liên quan trực tiếp đến quyền lợi, nghĩa vụ của mình trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày niêm yết bản án tại địa phương nơi thường trú.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh H;
- VKSND tỉnh H;
- VKSND Huyện KC;
- Công an Huyện KC;
- Chi cục THADS Huyện KC;
- UBND xã T1, Đ;
- Bị cáo, người liên quan;
- Lưu HSVA.

**T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Thu H1